BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
27-07-2026 18:09:21 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 208-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2026

QUY ĐỊNH
thi hành Điều lệ Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIV;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV;

- Xét Tờ trình và báo cáo của Bộ Chính trị tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV tại Hội nghị lần thứ ba;

Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định thi hành Điều lệ Đảng:

Chương I
HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

1. Hệ thống tổ chức của Đảng (Khoản 1, Điều 10; Khoản 1, Điều 21)

1.1. Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp xã (gồm: xã, phường, đặc khu), cấp tỉnh, thành phố và cấp Trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

1.2. Thí điểm thống nhất, đồng bộ tên gọi các loại hình tổ chức đảng ở cấp cơ sở trong toàn Đảng là: đảng bộ cơ sở, đảng bộ trực thuộc cơ sở và chi bộ. Đối với các tổ chức đảng có đặc điểm riêng, tính chất đặc thù được điều chỉnh cơ cấu tổ chức bên trong phù hợp theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

1.3. Thí điểm tổ chức cơ sở đảng được xác định gồm đảng bộ trực thuộc cơ sở và chi bộ.

1.4. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ công tác của cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với cấp uỷ, tổ chức đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của cả cấp uỷ địa phương và cấp uỷ theo ngành, lĩnh vực chuyên môn có đặc điểm riêng, việc

phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và quy chế phối hợp được thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Việc thành lập tổ chức đảng trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội

2.1. Ở cấp Trung ương

2.1.1. Thành lập Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương; Đảng bộ Quốc hội; Đảng bộ Chính phủ; Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2.1.2. Bộ Chính trị quyết định thành lập và quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương; Đảng uỷ Quốc hội; Đảng uỷ Chính phủ; Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương. Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý về hoạt động, hướng dẫn về tổ chức và biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

2.1.3. Đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định thành lập tổ chức đảng trực thuộc ở các ban, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, đoàn thể, doanh nghiệp tương ứng về các lĩnh vực công tác và nhiệm vụ chính trị theo quyết định của Bộ Chính trị.

2.1.4. Ban Thường vụ Đảng uỷ Quốc hội quyết định thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của tổ đảng ở đoàn đại biểu Quốc hội (hoạt động tại các kỳ họp của Quốc hội).

2.2. Ở các tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh)

2.2.1. Thành lập đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố và đảng bộ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh. Thí điểm thành lập đảng bộ hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố và đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, thành phố trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh.

2.2.2. Cấp uỷ cấp tỉnh quyết định việc thành lập, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố; đảng uỷ hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố; đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, thành phố theo quy định của Ban Bí thư.

2.2.3. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức và biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh,

thành phố; đảng uỷ hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố; đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, thành phố.

2.2.4. Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố; đảng uỷ hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố; đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố; đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, thành phố quyết định thành lập các tổ chức đảng trực thuộc ở các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tương ứng về các lĩnh vực công tác và nhiệm vụ chính trị theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

2.3. Ở xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã)

2.3.1. Cấp uỷ cấp tỉnh quyết định thành lập tổ chức đảng xã, phường, đặc khu là đảng bộ cơ sở trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh.

2.3.2. Về lập tổ chức đảng trực thuộc đảng uỷ xã, phường, đặc khu (Khoản 2, Điều 21)

a) Đảng uỷ xã, phường, đặc khu quyết định thành lập tổ chức cơ sở đảng ở ban chỉ huy quân sự cấp xã, công an cấp xã, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác. Ở địa bàn dân cư, thành lập đảng bộ trực thuộc cơ sở là cấp trên trực tiếp của các chi bộ thôn, tổ dân phố có đông đảng viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Nếu chưa đủ 3 đảng viên chính thức để lập tổ chức đảng thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức đảng thích hợp.

b) Đảng uỷ xã, phường, đặc khu quyết định thành lập chi bộ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị cấp xã; chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định của Bộ Chính trị (Khoản 2, Điều 10)

4. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (Khoản 2, Điều 10; Khoản 5, Điều 13; Khoản 3, 4, 5, Điều 21; Khoản 1, Điều 42; Khoản 1, Điều 43)

4.1. Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ thành lập đảng bộ trực thuộc cơ sở ở các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp trực thuộc có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh (sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Đảng uỷ Chính phủ).

4.2. Căn cứ quy mô, phạm vi tác động, cấp uỷ cấp tỉnh quyết định thành lập đảng bộ cơ sở thuộc cấp uỷ cấp tỉnh đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, thành phố hoặc của Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

4.3. Căn cứ quy mô, phạm vi tác động, đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố (hoặc đảng uỷ xã, phường, đặc khu) quyết định thành lập đảng bộ trực thuộc cơ sở thuộc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh (hoặc đảng uỷ xã, phường, đặc khu) đối với các đơn vị thành viên, chi nhánh của tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn (sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cấp uỷ cấp tỉnh).

5. Việc lập tổ chức đảng ở một số trường hợp cụ thể khác (Khoản 5, Điều 21)

5.1. Ở những cơ quan, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác chưa đủ 30 đảng viên (gồm đảng viên chính thức và đảng viên dự bị) nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của các đơn vị đó (là đơn vị có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội ở các cơ quan Trung ương, trường đại học, doanh nghiệp lớn,...) thì đảng uỷ cơ sở trở lên có thể xem xét, quyết định cho lập đảng bộ trực thuộc cơ sở.

5.2. Ở những chi bộ có đông đảng viên hoặc có điều kiện sinh hoạt đặc thù, khi cần thiết có thể chia thành nhiều tổ đảng.

Tổ đảng có nhiệm vụ quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng một lần; thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

5.3. Ở các vụ, đơn vị không có tư cách pháp nhân trực thuộc ban, bộ, cơ quan Trung ương lập chi bộ thuộc đảng uỷ các ban, bộ, cơ quan Trung ương; chức năng, nhiệm vụ theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

5.4. Ở một số đảng bộ trực thuộc cơ sở có đông đảng viên có thể được lập đảng bộ bộ phận. Đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng uỷ trực thuộc cơ sở và là cấp trên của các chi bộ, sinh hoạt thường kỳ một tháng một lần, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng uỷ trực thuộc cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của các chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên để đề đạt ý kiến với đảng uỷ trực thuộc cơ sở. Đảng uỷ bộ phận không quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ, không có con dấu. Việc lập chi bộ do đảng uỷ bộ phận đề nghị, đảng uỷ trực thuộc cơ sở quyết định. Nhiệm kỳ của đảng uỷ bộ phận như nhiệm kỳ của đảng uỷ trực thuộc cơ sở (quy trình tổ chức đại hội, cơ cấu, số lượng cấp uỷ viên thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư).

Đảng bộ bộ phận trong Quân đội và Công an thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

6. Việc giải thể đảng bộ, chi bộ (Khoản 3, Điều 10)

6.1. Chỉ giải thể một đảng bộ, chi bộ khi đảng bộ, chi bộ đó đã làm xong nhiệm vụ hoặc không còn phù hợp về mặt tổ chức.

6.2. Cấp uỷ nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì cấp uỷ đó có thẩm quyền ban hành quyết định giải thể và báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

Chương II
NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

1. Một số quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (Điều 9)

1.1. Về quy chế làm việc của cấp uỷ

1.1.1. Bộ Chính trị ban hành quy chế làm việc mẫu của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương (không bao gồm Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương). Ban Bí thư ban hành quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ, của đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ trực thuộc Trung ương (không bao gồm Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương) ban hành quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ trực thuộc cơ sở, đảng uỷ bộ phận và chi bộ theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

1.1.2. Căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, quy chế làm việc mẫu và quy chế làm việc của cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ đảng, đảng uỷ bộ phận, chi bộ, uỷ ban kiểm tra, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ phải xây dựng, ban hành quy chế làm việc bảo đảm các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp biết quy chế làm việc của tổ chức mình.

1.1.3. Khi xét thấy cần thiết, cấp uỷ cấp trên ban hành quy chế phối hợp hoạt động, công tác của các cấp uỷ hoặc tổ chức đảng cấp dưới có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

1.1.4. Ban tổ chức cấp uỷ hoặc ban xây dựng đảng cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn cấp uỷ và tổ chức đảng cấp dưới xây dựng quy chế làm việc.

1.2. Về thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình (Khoản 3)

1.2.1. Hằng năm, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ trực thuộc cơ sở, đảng uỷ bộ phận,

chi bộ, uỷ ban kiểm tra phải tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; có kế hoạch, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

1.2.2. Cuối nhiệm kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, chi bộ, uỷ ban kiểm tra, cấp uỷ viên các cấp, chi uỷ viên, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, tập thể lãnh đạo cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của cấp uỷ các cấp phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

Việc kiểm điểm thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và phải bảo đảm yêu cầu sau:

- Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ phải lấy ý kiến đóng góp của cấp uỷ cấp dưới trực tiếp và của tập thể lãnh đạo các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp, phải có ý kiến của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo kiểm điểm của uỷ ban kiểm tra và tập thể lãnh đạo ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội phải lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan chuyên môn và của cấp uỷ cùng cấp.

- Cấp uỷ cấp trên gợi ý cho cá nhân và tập thể cấp uỷ của cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp những nội dung cần làm rõ khi kiểm điểm, tự phê bình và phê bình:

+ Đối với cá nhân cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, chi uỷ viên, uỷ viên uỷ ban kiểm tra kiểm điểm về trách nhiệm chính trị, mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân; về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) và thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Đối với tập thể cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, chi bộ, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ phải kiểm điểm về việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên; việc đề ra nhiệm vụ và kết quả tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; về quản lý tài chính ngân sách, quản lý đất đai... và các lĩnh vực có liên quan; về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo, về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

+ Thường trực cấp uỷ cấp trên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, chọn lọc các vấn đề để đưa xuống các tổ chức đảng, cấp uỷ cấp dưới gợi ý cho tập thể và cá nhân tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, hội đồng nhân dân cùng cấp, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến xây dựng Đảng của Nhân dân.

1.3. (Khoản 5): Quy định "Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành" được cụ thể hoá như sau:

1.3.1. Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách dự đại hội (trừ số cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế).

1.3.2. Số thành viên của đại hội đảng viên, hội nghị đảng viên là tổng số đảng viên chính thức trong đảng bộ, chi bộ được triệu tập (trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội, hội nghị đảng viên, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam, đảng viên chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội có lý do chính đáng được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý).

1.3.3. Số thành viên của hội nghị ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra là tổng số uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam).

1.3.4. Trường hợp kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên đảng viên, khai trừ đảng viên thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của chi bộ nhất trí đề nghị và được ít nhất hai phần ba số thành viên của đảng uỷ trực thuộc cơ sở hoặc trên một nửa số thành viên của ban thường vụ đảng uỷ cơ sở nhất trí quyết định.

1.3.5. Trường hợp giải tán tổ chức đảng thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

2. Nhiệm vụ của cấp uỷ triệu tập đại hội; số lượng, phân bổ đại biểu; bầu và chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp (Điều 11)

2.1. Nhiệm vụ của cấp uỷ triệu tập đại hội (Khoản 1)

2.1.1. Chuẩn bị dự thảo các báo cáo, các vấn đề về nhân sự đại biểu, đề án nhân sự cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và kế hoạch tổ chức đại hội.

2.1.2. Tiếp nhận đơn ứng cử vào cấp uỷ của đảng viên chính thức không phải là đại biểu chính thức của đại hội theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2.1.3. Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày làm việc, đối với những đảng bộ thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 15 ngày làm việc; thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các tổ chức đảng trực thuộc; chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định.

2.1.4. Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu

2.1.5. Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch đại hội để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu.

2.1.6. Chỉ đạo các mặt công tác thường xuyên của đảng bộ cho đến khi bầu được cấp uỷ mới.

2.1.7. Chuẩn bị tài liệu cho cấp uỷ khoá mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp uỷ trong phiên họp thứ nhất.

2.2. Về số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp (Khoản 2)

2.2.1. Số lượng đại biểu Đại hội toàn quốc của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định.

2.2.2. Số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội quyết định theo chỉ thị của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp uỷ triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các tổ chức đảng trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ.

2.2.3. Đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đang sinh hoạt tại đảng bộ, các đại biểu do đại

hội đảng bộ, chi bộ trực thuộc bầu và đại biểu được chỉ định theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 11 Điều lệ Đảng.

2.3. Chỉ định đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp (Khoản 4)

2.3.1. Các đảng bộ, chi bộ đang hoạt động ở ngoài nước; đảng bộ, chi bộ có đa số đảng viên hoạt động phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, hoặc vì thiên tai... không tổ chức đại hội được, nếu cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì cấp uỷ triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó; đối với các đảng bộ thành lập mới, hợp nhất, sáp nhập theo chủ trương của Trung ương thì được chỉ định đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ theo quy định của Bộ Chính trị.

2.3.2. Số lượng đại biểu được chỉ định nằm trong tổng số đại biểu được triệu tập.

2.4. Việc đề cử và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên (Khoản 5)

2.4.1. Chỉ được đề cử đại biểu chính thức của đại hội để bầu, chỉ định làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên. Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu cử lập một danh sách chung; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã lấy đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu được số phiếu trên một nửa so với tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết lấy trong số các đồng chí đó theo số phiếu bầu từ cao đến thấp. Nếu vẫn chưa bầu đủ số lượng đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần thứ nhất hay không do đại hội quyết định.

2.4.2. Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp uỷ cấp triệu tập đại hội (ở Trung ương là Bộ Chính trị) quyết định. Việc chuyển đại biểu này phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp ở đại hội đại biểu đảng bộ đó. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì lấy người có tuổi Đảng cao hơn.

2.4.3. Sau khi trúng cử hoặc được chỉ định, đại biểu chính thức chuyển công tác và sinh hoạt đảng đến đơn vị mới, nhưng tổ chức đảng ở đơn vị mới đó

vẫn trực thuộc cấp uỷ cấp triệu tập đại hội thì đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội và tham gia đoàn đại biểu của tổ chức đảng ở đơn vị mới, cấp uỷ nơi có đại biểu chính thức chuyển đi đảng bộ khác không cử đại biểu dự khuyết thay thế; nếu đại biểu đó đã chuyển đến đơn vị mới mà tổ chức đảng ở đơn vị mới đó không trực thuộc cấp uỷ cấp triệu tập đại hội thì tổ chức đảng ở đơn vị đó được chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức để thay thế.

Trường hợp đại biểu chính thức xin không tham dự đại hội mà được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý thì được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

2.4.4. Không được cử đại biểu dự khuyết thay thế đại biểu chính thức trong các trường hợp sau:

a) Đại hội cấp dưới bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ.

b) Cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội.

c) Đại biểu chính thức bị bác tư cách.

Đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội mà không có đại biểu dự khuyết thay thế thì không tính vào tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội khi tính kết quả bầu cử.

2.4.5. Trường hợp đặc biệt, ở đảng bộ đã bầu xong đại biểu lại có quyết định tách đảng bộ đó thành một số đảng bộ mới, thì cấp uỷ triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại biểu cho các đảng bộ mới đó phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 11 Điều lệ Đảng về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc.

2.4.6. Trường hợp đảng bộ, chi bộ đã tổ chức đại hội bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, nhưng do yêu cầu chia tách, đảng bộ, chi bộ đó được chuyển về một đảng bộ mới và đảng bộ mới chưa tiến hành đại hội thì cấp uỷ triệu tập đại hội có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của đảng bộ, chi bộ mới chuyển về và tính vào tổng số đại biểu được triệu tập của đại hội.

3. Các tổ chức điều hành và giúp việc đại hội (Điều 11, Điều 12)

3.1. Đoàn chủ tịch đại hội (Khoản 7, Điều 11; Khoản 3, Điều 12)

3.1.1. Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Cấp uỷ triệu tập đại hội đề xuất, đại hội thảo luận, biểu quyết về số lượng và danh sách đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội.

Đại hội chi bộ biểu quyết danh sách đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch đại hội.

Thành viên đoàn chủ tịch đại hội là đại biểu chính thức của đại hội.

3.1.2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch đại hội:

a) Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua; phân công thành viên điều hành nội dung, chương trình các phiên họp của đại hội; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; chuẩn bị ý kiến giải trình các vấn đề đại biểu còn có ý kiến khác nhau; lãnh đạo, điều hành các hoạt động của đại hội.

b) Điều hành việc bầu cử theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3.2. Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội (Khoản 5, Điều 11)

3.2.1. Thành viên của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội phải là những đại biểu chính thức của đại hội, am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra. Cấp uỷ triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết về số lượng và danh sách ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội đảng viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu, cấp uỷ triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình đảng viên tham dự đại hội.

3.2.2. Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu:

a) Xem xét báo cáo của cấp uỷ về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

b) Xem xét, kết luận các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp uỷ các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức đã được triệu tập.

c) Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

3.3. Đoàn thư ký đại hội (Khoản 7, Điều 11)

3.3.1. Đoàn thư ký đại hội gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu) hoặc đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên). Cấp uỷ triệu tập đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách đoàn thư ký và trưởng đoàn thư ký. Ở đại hội chi bộ thì chi uỷ hoặc bí thư chi bộ đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết. Trưởng đoàn thư ký có trách nhiệm phân công

nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của đoàn thư ký.

3.3.2. Nhiệm vụ của đoàn thư ký:

a) Ghi biên bản, tổng hợp đầy đủ, trung thực ý kiến của các đại biểu tại hội trường và các phiên làm việc tại tổ đại biểu; giúp đoàn chủ tịch chuẩn bị các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội và thông báo của đoàn chủ tịch gửi tới các đoàn đại biểu.

b) Giúp đoàn chủ tịch thực hiện một số nhiệm vụ theo Quy chế bầu cử trong Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

c) Thu nhận, bảo quản hồ sơ, tài liệu sau khi đại hội kết thúc và giúp đoàn chủ tịch giao nộp cho cấp uỷ khoá mới (qua văn phòng cấp uỷ).

3.4. Ban kiểm phiếu (Khoản 3, Điều 12).

3.4.1. Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu), đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên) trong đại hội không có tên trong danh sách ứng cử, đề cử tại đại hội. Đoàn chủ tịch (hoặc chủ tịch) đại hội đề xuất, giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng danh sách thành viên ban kiểm phiếu và trưởng ban kiểm phiếu. Trường hợp đặc biệt do đại hội không cử được ban kiểm phiếu thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp cử tổ công tác giúp việc kiểm phiếu.

3.4.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

a) Hướng dẫn cách thức ghi phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu, phát phiếu trực tiếp cho đại biểu (hoặc theo đoàn đại biểu), kiểm số phiếu phát ra và số phiếu thu về, báo cáo đại hội, kiểm phiếu bầu.

b) Xem xét và kết luận về các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội (nếu có).

c) Lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo với đoàn chủ tịch và công bố kết quả bầu cử; ký vào biên bản bầu cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội để bàn giao cho cấp uỷ khoá mới lưu trữ theo quy định.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội. Nhân viên kỹ thuật phục vụ việc kiểm phiếu do ban kiểm phiếu trực tiếp điều hành và giám sát.

Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật được đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

3.5. Quy trình, thủ tục đại hội thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

4. Việc bầu cử trong Đảng

Thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

5. Số lượng cấp uỷ viên, số lượng uỷ viên ban thường vụ và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp (Khoản 2, Điều 12; Khoản 2, Điều 20)

5.1. Việc quy định số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ mỗi cấp căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm của mỗi cấp, số lượng đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ.

5.2. Số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ mỗi cấp không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên theo quy định và đã được đại hội thông qua. Đối với các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương mới thành lập (không bao gồm Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương) trong nhiệm kỳ 2025 - 2030 thì số lượng uỷ viên ban thường vụ có thể nhiều hơn một phần ba nhưng dưới một phần hai tổng số cấp uỷ viên và do Bộ Chính trị quyết định. Đối với các đảng uỷ xã, phường, đặc khu theo quy định của Bộ Chính trị.

5.3. Trước mỗi kỳ đại hội đảng bộ các cấp, căn cứ nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ra chỉ thị, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, có quy định về số lượng (tối đa, tối thiểu) cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ mỗi cấp. Trên cơ sở đó, cấp uỷ từng cấp tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự khoá mới trình đại hội đảng bộ cấp mình xem xét, quyết định số lượng cấp uỷ viên trước khi tiến hành công tác bầu cử. Sau khi được bầu, cấp uỷ khoá mới thảo luận và quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra cấp mình trước khi tiến hành bầu cử các chức vụ đó theo quy định hiện hành.

6. Cấp uỷ khoá mới được điều hành công việc ngay sau khi được bầu (Khoản 1, Điều 13)

6.1. Về hội nghị lần thứ nhất của cấp uỷ khoá mới

6.1.1. Hội nghị lần thứ nhất của cấp uỷ khoá mới do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư khoá trước tái cử hoặc đồng chí được cấp uỷ cấp trên uỷ nhiệm (nếu bí thư và phó bí thư khoá trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị.

Trường hợp đại hội không bầu cấp uỷ, cấp uỷ khoá cũ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của cấp uỷ cho đến khi có cấp uỷ khoá mới.

6.1.2. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá mới do đồng chí Tổng Bí thư khoá trước (tái cử hoặc không tái cử) làm triệu tập viên khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong Đoàn Chủ tịch Hội nghị.

Trường hợp đồng chí Tổng Bí thư khoá trước không thể làm triệu tập viên thì Đoàn Chủ tịch Đại hội cử triệu tập viên.

6.2. Đồng chí bí thư cấp uỷ và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra được ký các văn bản với chức danh bí thư và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, đồng chí phó bí thư đảng uỷ quân sự cấp tỉnh, cấp xã được ký các văn bản với chức danh phó bí thư ngay sau khi được bầu.

Trường hợp chưa bầu được chức danh bí thư thì một đồng chí phó bí thư cấp uỷ được cấp uỷ uỷ nhiệm ký các văn bản với chức danh phó bí thư. Cấp uỷ khoá mới nhận bàn giao từ cấp uỷ khoá trước trong vòng 15 ngày làm việc. Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, các đồng chí có chức danh phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra khoá mới được ký chức danh trong các văn bản của đảng bộ.

7. Về báo cáo kết quả đại hội; chuẩn y kết quả bầu cử; bổ sung, điều động, chỉ định cấp uỷ viên và thôi tham gia cấp uỷ (Điều 13, Điều 31)

7.1. Về báo cáo kết quả đại hội; chuẩn y kết quả bầu cử (Khoản 1, Điều 13)

7.1.1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội, cấp uỷ khoá mới phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp: Các biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra; danh sách trích ngang của từng thành viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

7.1.2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp uỷ cấp dưới, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp (ở Trung ương là Bộ Chính trị, nơi có ban thường vụ thì uỷ nhiệm cho ban thường vụ) chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ, các thành viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

7.1.3. Sau đại hội, nếu phát hiện thấy có sự vi phạm về tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp uỷ cấp trên có quyền bác bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của cấp uỷ cấp dưới, chỉ đạo tiến hành bầu lại; nếu thấy có một hoặc một số chức danh đã được bầu nhưng không bảo đảm nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn quy định thì cấp uỷ cấp trên có quyền không công nhận một hoặc một số chức danh đó.

7.2. Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định (Khoản 2, Điều 13)

7.2.1. Khi cần bổ sung cấp uỷ viên thiếu, tập thể cấp uỷ thảo luận, thống nhất đề nghị cấp uỷ cấp trên về số lượng, nhân sự cụ thể để cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định. Trường hợp đặc biệt, nếu xét thấy cần, cấp uỷ cấp trên có thể ban hành quyết định bổ sung số cấp uỷ viên thiếu.

7.2.2. Việc bổ sung cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư là đảng viên trong đảng bộ, nói chung thực hiện theo quy trình: Chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ; ban chấp hành đảng bộ bầu vào các chức danh cần thiết.

Việc bổ sung bí thư, phó bí thư chi bộ, chi uỷ viên chi bộ khi khuyết, thiếu do cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, chỉ định theo đề nghị của chi bộ; trường hợp chi bộ khuyết, thiếu cả bí thư, phó bí thư, chi uỷ viên thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, chỉ định.

7.2.3. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp có thể chỉ định cấp uỷ viên cấp trên giữ chức danh bí thư, phó bí thư cấp uỷ (chi bộ), chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp dưới; chỉ định đảng viên là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức giữ chức danh bí thư cấp uỷ (chi bộ) cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

7.2.4. Khi cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động đảng viên từ đảng bộ khác chỉ định tham gia cấp uỷ và giữ các chức vụ uỷ viên ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

7.2.5. Việc chỉ định tăng thêm cấp uỷ viên: Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp dưới thảo luận, thống nhất đề nghị cấp uỷ cấp trên chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới. So với số lượng cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định, số lượng cấp uỷ viên chỉ định tăng thêm không được quá 10% đối với đảng uỷ cơ sở trở lên, không quá 20% đối với đảng uỷ trực thuộc cơ sở. Các trường hợp cụ thể khác, giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.

7.3. Việc điều động cấp uỷ viên (Khoản 3, Điều 13)

7.3.1. Trường hợp không phải do chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức đảng, khi cùng một lúc phải điều động quá một phần ba số cấp uỷ viên của đảng uỷ từ đảng uỷ trực thuộc cơ sở trở lên do đại hội đã bầu thì phải được cấp uỷ cấp trên cách một cấp đồng ý; nếu là cấp uỷ viên của đảng bộ trực thuộc Trung ương thì do Bộ Chính trị quyết định.

7.3.2. Thí điểm việc cấp uỷ cấp trên khi chỉ định nhân sự tham gia cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, giữ các chức danh lãnh đạo cấp dưới trực tiếp thì đồng

thời chỉ định tham gia cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ theo cơ cấu của cấp dưới cách cấp.

7.4. Việc thôi tham gia cấp uỷ (Khoản 4, Điều 13)

7.4.1. Cấp uỷ viên khi có quyết định nghỉ hưu thì thôi tham gia cấp uỷ đương nhiệm từ thời điểm nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đã được ghi trong thông báo hoặc quyết định nghỉ hưu.

7.4.2. Cấp uỷ viên có quyết định hoặc thông báo của cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ thôi làm công tác quản lý (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể, kết thúc hoạt động, tổ chức lại cơ quan, đơn vị, tổ chức) hoặc thôi giữ chức vụ hoặc thôi việc thì thôi tham gia cấp uỷ đương nhiệm từ thời điểm ghi trong quyết định thôi làm công tác quản lý hoặc thôi giữ chức vụ hoặc thôi việc có hiệu lực thi hành.

7.4.3. Cấp uỷ viên tham gia nhiều cấp uỷ, khi có quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, có quyết định nghỉ hưu thì thôi tham gia cấp uỷ mà đồng chí đó là thành viên từ thời điểm quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu có hiệu lực thi hành; thời điểm tính theo ngày nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đã được ghi trong thông báo hoặc quyết định nghỉ hưu; trường hợp chuyển công tác sang đảng bộ khác thì thôi tham gia cấp uỷ trong cùng đảng bộ mà đồng chí đó đã tham gia kể từ khi quyết định có hiệu lực thi hành. Nếu đồng chí đó là thành viên của cấp uỷ cấp trên mà nơi chuyển đến trong cùng đảng bộ thì vẫn là cấp uỷ viên cấp uỷ cấp trên.

Cấp uỷ có thẩm quyền không ban hành quyết định thôi tham gia cấp uỷ những trường hợp nêu trên.

7.5. Ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập đảng bộ, chi bộ (Khoản 5, Khoản 6, Điều 13)

Trong nhiệm kỳ của cấp uỷ, nếu có sự thay đổi về tổ chức như: Thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư theo Khoản 5, Điều 13 Điều lệ Đảng; thí điểm việc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cấp dưới; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của cấp uỷ không nhất thiết là 5 năm. Nhiệm kỳ tiếp theo các đảng bộ, chi bộ thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập tiến hành đại hội theo quy định của Bộ Chính trị. Cách tính nhiệm kỳ đại hội theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

8. Thí điểm Bộ Chính trị chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ: Các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định thí điểm về thành phần tập thể thường trực đảng uỷ và phân cấp, uỷ quyền cho tập thể thường trực đảng uỷ: Các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; đảng uỷ cơ sở bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương; các cơ quan đảng tỉnh, thành phố; hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố; uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ để thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp, cấp uỷ cấp trên.

- Các cấp uỷ trực thuộc Trung ương được thực hiện thí điểm một số mô hình tổ chức, cách làm mới trong khuôn khổ Điều lệ Đảng và phải báo cáo Bộ Chính trị đồng ý chủ trương trước khi thực hiện.

9. Lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ (Khoản 1, Điều 14)

9.1. Các đảng bộ trực thuộc Trung ương

9.1.1. Cấp uỷ tỉnh, thành phố được thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban nội chính; trường chính trị và cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố.

- Đảng uỷ xã, phường được thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, gồm: Văn phòng, ban xây dựng Đảng và cơ quan uỷ ban kiểm tra.

- Đảng uỷ đặc khu được thành lập cơ quan tham mưu, giúp việc, gồm: Văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo và cơ quan uỷ ban kiểm tra.

- Đảng uỷ cơ sở khác trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ được thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc, gồm: Văn phòng, ban xây dựng Đảng và cơ quan uỷ ban kiểm tra.

9.1.2. Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương được thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc gồm: Văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo và cơ quan uỷ ban kiểm tra.

Đảng uỷ cơ sở trực thuộc đảng uỷ trực thuộc Trung ương được thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: Văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo và cơ quan uỷ ban kiểm tra.

9.1.3. Việc thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp khác với quy định trên thực hiện theo quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

9.1.4. Căn cứ quy mô, tính chất, đặc thù và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị, việc thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) của đảng uỷ cơ sở do cấp uỷ cấp tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

9.1.5. Căn cứ tình hình cụ thể, có thể thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) của đảng uỷ trực thuộc cơ sở gồm: Văn phòng, ban xây dựng Đảng, cơ quan uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ cấp tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Ban Bí thư.

9.1.6. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư về tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp nêu trên. Các ban và cơ quan của Đảng ở Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, hướng dẫn hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ địa phương.

9.1.7. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của các cấp uỷ trong Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an theo quy định của Bộ Chính trị.

9.2. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương.

9.3. Cơ quan Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các cơ quan Trung ương của đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam); các cơ quan Trung ương của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (nếu có) trực thuộc Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan nêu trên ở địa phương (nếu có): Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

10. Về đại hội bất thường ở các cấp (Khoản 3, Điều 18; Khoản 3, Điều 22)

10.1. Khi có trên một nửa số uỷ viên ban chấp hành đảng bộ đồng ý bằng phiếu kín hoặc có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc nhất trí và được ban thường vụ cấp uỷ cấp trên đồng ý mới triệu tập đại hội bất thường; đối với đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được Bộ Chính trị đồng ý.

10.2. Điều kiện để tổ chức đại hội bất thường là có thay đổi lớn về chủ trương, nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra; có thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt của cấp uỷ; do nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc hầu hết cấp uỷ viên bị xử lý kỷ luật.

11. Sinh hoạt định kỳ của đảng bộ trực thuộc cơ sở, chi bộ (Khoản 6, Điều 22)

11.1. Đảng bộ trực thuộc cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần vào dịp đánh giá công tác 6 tháng đầu năm và tổng kết công tác cuối năm, họp bất thường khi cần.

11.2. Nội dung sinh hoạt đảng bộ: Báo cáo kết quả hoạt động của đảng bộ, của đảng uỷ trong thời gian qua, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; phổ biến các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thời sự trong nước và thế giới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của đảng bộ; thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của đảng uỷ đối với các chi bộ, đảng viên; giải đáp ý kiến phê bình, chất vấn của đảng viên và chi bộ.

11.3. Đảng bộ trực thuộc cơ sở có đông đảng viên, hoạt động phân tán, địa bàn rộng, đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, đảng uỷ trực thuộc cơ sở căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức sinh hoạt theo cụm, phân công cấp uỷ viên phụ trách, bảo đảm nội dung sinh hoạt của đảng bộ như đã nêu trên.

11.4. Việc sinh hoạt đảng trực tuyến ở một số đảng bộ, chi bộ thực hiện theo quy định của Ban Bí thư.

12. Đảng uỷ trực thuộc cơ sở được quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên, thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên

13. Nhiệm kỳ chi bộ; việc bầu chi uỷ, bí thư, phó bí thư chi bộ (Khoản 3, Khoản 4, Điều 24)

13.1. Thí điểm đại hội chi bộ 5 năm một lần, bắt đầu thực hiện từ nhiệm kỳ chi bộ 2025 - 2030; cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ đạo chi bộ đã đại hội trong năm 2025 xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ, kiện toàn bí thư, phó bí thư, chi uỷ viên cho phù hợp.

13.2. Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi uỷ; chi bộ đông đảng viên bầu không quá 7 chi uỷ viên. Chi bộ trực tiếp bầu chi uỷ trước, sau đó bầu bí thư, bầu 1 phó bí thư trong số chi uỷ viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu 1 phó bí thư.

13.3. Trường hợp chi bộ bầu đến lần thứ ba mà không có đồng chí nào đủ số phiếu trúng cử bí thư chi bộ thì cấp uỷ cấp trên căn cứ vào tình hình cụ thể của chi bộ để chỉ định một đồng chí trong số chi uỷ viên hoặc đảng viên (nơi không có chi uỷ) làm bí thư để điều hành hoạt động của chi bộ.

13.4. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định bí thư, phó bí thư, chi uỷ viên.

Chương III
ĐẢNG VIÊN

1. Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng (Khoản 2, Điều 1)

1.1. Về tuổi đời

1.1.1. Tại thời điểm chi bộ xét kết nạp, người vào Đảng phải đủ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi (tính theo tháng).

1.1.2. Việc kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi do cấp uỷ trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

1.2. Về trình độ học vấn

1.2.1. Người vào Đảng phải hoàn thành chương trình giáo dục bậc trung học cơ sở trở lên, trừ các trường hợp quy định tại Điểm 1.2.2.

1.2.2. Học vấn của người vào Đảng đang sinh sống ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và những trường hợp cụ thể khác do yêu cầu phát triển đảng mà không bảo đảm được quy định chung thì thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

2. Về quyền của đảng viên (Điều 3)

2.1. Quyền được thông tin của đảng viên (Khoản 1)

Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ, tổ chức đảng thông tin cho đảng viên về tình hình, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thời sự trong nước, thế

giới... phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng (Khoản 2)

Thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2.3. Quyền của đảng viên trong việc phê bình, chất vấn tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo, kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm (Khoản 3)

Đảng viên được phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản trong phạm vi tổ chức của Đảng về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp; về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức của đảng viên đó; chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về ý kiến của mình. Khi nhận được ý kiến phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm phải trả lời theo thẩm quyền, chậm nhất là 30 ngày làm việc đối với đảng uỷ trực thuộc cơ sở và đảng viên, 60 ngày làm việc đối với đảng uỷ cơ sở và cấp uỷ cấp tỉnh, 90 ngày làm việc đối với cấp Trung ương. Những trường hợp phức tạp cần phải kéo dài hơn thời gian quy định trên thì phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên biết lý do.

2.4. Đảng viên được tổ chức đảng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng.

2.5. Đảng viên được thông báo ý kiến nhận xét của cấp uỷ nơi làm việc và nơi cư trú khi xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; được trình bày ý kiến với tổ chức đảng, cấp uỷ đảng khi xem xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

3. Giới thiệu và kết nạp người vào Đảng (Điều 4)

3.1. Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, phường, đặc khu hoặc Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ sở hoặc tập thể chi đoàn cơ sở; Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở (nếu có) xem xét, ra nghị quyết giới thiệu đoàn viên vào Đảng (Khoản 1).

3.2. Đảng viên giới thiệu người vào Đảng (Khoản 2)

3.2.1. Là đảng viên chính thức, cùng công tác, lao động, học tập hoặc cùng sinh hoạt nơi cư trú ít nhất 12 tháng với người được giới thiệu vào Đảng trong cùng một đơn vị thuộc phạm vi lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ.

3.2.2. Nếu đảng viên giới thiệu người vào Đảng chuyển đến đảng bộ khác, bị kỷ luật hoặc vì lý do khác không thể tiếp tục theo dõi, giúp đỡ người vào Đảng thì chi bộ phân công đảng viên chính thức khác theo dõi, giúp đỡ người vào Đảng (không nhất thiết đảng viên đó cùng công tác, lao động, học tập hoặc cùng sinh hoạt nơi cư trú với người vào Đảng ít nhất 12 tháng).

3.3. Vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn chính trị của người vào Đảng thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị (Khoản 3).

3.4. Việc kết nạp người vào Đảng ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ (Khoản 4)

3.4.1. Cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên (nơi người vào Đảng công tác, lao động, học tập, cư trú) giao cho chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất để phân công đảng viên chính thức giúp đỡ người vào Đảng. Khi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn thì chi bộ nơi có đảng viên giúp đỡ người vào Đảng đang sinh hoạt làm thủ tục đề nghị kết nạp theo quy định.

3.4.2. Việc kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

3.5. Về kết nạp lại người vào Đảng

3.5.1. Người được xét kết nạp lại phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện và tiêu chuẩn của người vào Đảng theo quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng.

b) Ít nhất là 36 tháng kể từ khi ra khỏi Đảng (đối với người bị kết án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng thì phải sau 60 tháng kể từ khi được xoá án tích); làm đơn xin kết nạp lại vào Đảng; phải được ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương (hoặc thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương được uỷ quyền theo quy chế làm việc) đồng ý bằng văn bản, cấp uỷ có thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên xem xét, quyết định.

c) Thực hiện đúng các thủ tục nêu ở các Khoản 1, 2, 3, Điều 4 Điều lệ Đảng.

3.5.2. Đối tượng không xem xét kết nạp lại

Không xem xét, kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: Tự bỏ sinh hoạt đảng; làm đơn xin ra khỏi Đảng (trừ trường hợp vì lý do gia đình đặc biệt khó khăn); gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị kết án hình sự vì hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; bị kết án hình sự về tội phạm nghiêm trọng trở lên.

3.5.3. Chỉ kết nạp lại một lần.

3.5.4. Những đảng viên được kết nạp lại phải trải qua thời gian dự bị.

4. Về thời hạn, thẩm quyền trong công tác kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức, tính tuổi Đảng của đảng viên (Điều 5)

4.1. Thời hạn tổ chức lễ kết nạp (Khoản 1)

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cấp uỷ có thẩm quyền ban hành quyết định kết nạp, chi bộ phải tổ chức lễ kết nạp cho đảng viên. Nếu để quá thời hạn nêu trên phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

4.2. Thời điểm công nhận đảng viên chính thức (Khoản 2)

4.2.1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày đảng viên hết 12 tháng dự bị, chi bộ phải xét và đề nghị công nhận chính thức cho đảng viên; nếu không đủ điều kiện công nhận là đảng viên chính thức thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên.

4.2.2. Đảng viên dự bị đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức, dù chi bộ họp chậm, cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y chậm, vẫn được công nhận đảng viên chính thức đúng thời điểm hết 12 tháng dự bị. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị công nhận chính thức của chi bộ, cấp uỷ có thẩm quyền phải ban hành quyết định chuẩn y.

4.2.3. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới đã qua 3 lần biểu quyết nhưng không đủ hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc cấp uỷ viên tán thành công nhận một đảng viên dự bị là đảng viên chính thức hoặc đề nghị xoá tên trong danh sách đảng viên thì báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.3. Thời hạn, thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức (Khoản 3)

4.3.1. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày chi bộ có nghị quyết đề nghị kết nạp; trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày chi bộ có nghị quyết đề nghị công nhận chính thức, thì cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét, quyết định; trường hợp đặc biệt có thể gia hạn tối đa 15 ngày làm việc. Việc đồng ý hoặc không đồng ý, phải thông báo kết quả cho chi bộ nơi đề nghị kết nạp đảng viên hoặc công nhận đảng viên chính thức biết. Nếu để quá thời hạn trên mà không có lý do chính đáng thì phải kiểm điểm trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên.

4.3.2. Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức.

a) Đảng uỷ trực thuộc cơ sở: Do tập thể đảng uỷ trực thuộc cơ sở xem xét, quyết định. Trường hợp khác thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

b) Đảng uỷ cơ sở: Do ban thường vụ xem xét, quyết định.

c) Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương: Do tập thể thường trực cấp uỷ và các đồng chí uỷ viên ban thường vụ là trưởng các ban đảng cùng cấp xem xét, quyết định.

d) Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức trong Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an Trung ương: Thực hiện theo quy định này và quy định riêng của Bộ Chính trị.

4.4. Trường hợp kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định

Cấp uỷ cấp trên, qua kiểm tra, xác minh phát hiện việc kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định thì xử lý như sau:

4.4.1. Nếu quyết định kết nạp người vào Đảng, công nhận đảng viên chính thức không đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng thì cấp uỷ ban hành quyết định hoặc cấp uỷ có thẩm quyền của tổ chức đảng thành lập sau chia tách, hợp nhất, sáp nhập phải huỷ bỏ quyết định đó và thông báo cho đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt xoá tên trong danh sách đảng viên. Trường hợp tổ chức đảng ban hành quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức đã giải thể hoặc bị giải tán thì cấp uỷ có thẩm quyền nơi đảng viên đang sinh hoạt huỷ bỏ quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức không đúng tiêu chuẩn, điều kiện.

4.4.2. Nếu quyết định kết nạp người vào Đảng, công nhận đảng viên chính thức không đúng thẩm quyền, không đúng thủ tục theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Điều lệ Đảng:

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền xác định là lỗi của tổ chức thì cấp uỷ có thẩm quyền nơi đảng viên đang sinh hoạt đề nghị cấp uỷ đã ban hành quyết định kết nạp đảng viên hoặc cấp uỷ có thẩm quyền của tổ chức đảng thành lập sau chia tách, hợp nhất, sáp nhập huỷ bỏ quyết định đó, chỉ đạo làm lại các thủ tục theo quy định và xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan; trường hợp tổ chức đảng ban hành quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức đã giải thể hoặc bị giải tán thì cấp uỷ có thẩm quyền nơi

đảng viên đang sinh hoạt tiến hành thẩm tra, xác minh và làm lại các thủ tục theo quy định. Ngày vào Đảng được tính từ ngày ban hành quyết định kết nạp lần đầu.

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền xác định là lỗi của cá nhân người vào Đảng thì cấp uỷ ban hành quyết định hoặc cấp uỷ có thẩm quyền của tổ chức đảng thành lập sau chia tách, hợp nhất, sáp nhập huỷ bỏ quyết định đó và thông báo cho đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt xoá tên trong danh sách đảng viên; trường hợp tổ chức đảng ban hành quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức đã giải thể hoặc bị giải tán thì cấp uỷ có thẩm quyền nơi đảng viên đang sinh hoạt huỷ bỏ quyết định kết nạp đảng viên.

4.5. Tính tuổi Đảng của đảng viên (Khoản 4)

4.5.1. Đảng viên được công nhận chính thức thì tuổi Đảng của đảng viên được tính từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kết nạp, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng.

Thời gian không tham gia sinh hoạt đảng là: Thời gian bị khai trừ (kể cả khai trừ có thời hạn theo quy định của Điều lệ Đảng khoá II), thời gian bị xoá tên, thời gian mất liên lạc với tổ chức đảng và thời gian gián đoạn do chuyển sinh hoạt đảng.

4.5.2. Đảng viên kết nạp lại được công nhận chính thức thì tuổi Đảng tính từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kết nạp lần đầu đối với đảng viên đó, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng (trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư xem xét, quyết định).

5. Về đảng tịch của đảng viên

5.1. Thẩm quyền giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên (thẩm tra, kết luận về đảng tịch, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xoá tên hoặc cho nối lại sinh hoạt đảng của đảng viên)

5.1.1. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thì uỷ quyền Ban Tổ chức Trung ương xem xét, giải quyết.

Trường hợp ý kiến của cấp uỷ trực thuộc Trung ương khác với kết luận của Ban Tổ chức Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

5.1.2. Đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp tỉnh (và tương đương) quản lý thì ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh (và tương đương) xem xét, quyết định.

5.1.3. Đảng viên không thuộc diện nêu trên thì ban thường vụ đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định.

5.2. Giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên

5.2.1. Không đặt ra việc xem xét lại đối với những đảng viên có vấn đề về đảng tịch đã được cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, kết luận trước đây mà không phát hiện thêm vấn đề gì mới.

5.2.2. Chỉ xem xét, khôi phục quyền đảng viên và tính tuổi Đảng liên tục đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan và từ khi bị đưa ra khỏi Đảng đến nay không vi phạm tư cách đảng viên.

5.2.3. Đảng viên được kết nạp trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (ngày 05/9/1960) và trước ngày 30/4/1975 (ở các địa phương từ phía Nam sông Bến Hải trở vào) mà lúc kết nạp vào Đảng chưa đủ 18 tuổi thì ngày vào Đảng được giữ nguyên.

5.2.4. Đảng viên được kết nạp vào Đảng trong kháng chiến chống Pháp (từ tháng 7/1954 trở về trước) và đảng viên được kết nạp trong kháng chiến chống Mỹ ở các địa phương từ phía Nam sông Bến Hải trở vào (từ tháng 7/1954 đến tháng 12/1973) nếu chỉ có một người giới thiệu vào Đảng thì vẫn được công nhận đảng tịch.

5.2.5. Những đồng chí trước đây đã vào Việt Minh hay một tổ chức quần chúng cách mạng hoạt động bí mật (từ tháng 02/1951 trở về trước), sau đó được tham gia sinh hoạt chi bộ, thì lấy ngày sinh hoạt chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng.

5.2.6. Những đồng chí hoạt động trong kháng chiến chống Pháp (từ tháng 7/1954 trở về trước) và trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ tháng 7/1954 đến ngày 30/4/1975) từ phía Nam sông Bến Hải trở vào, chưa được kết nạp vào Đảng nhưng đã được tổ chức đảng giao nhiệm vụ của người đảng viên như làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc tham gia việc thành lập chi bộ thì lấy ngày chi bộ giao nhiệm vụ làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc ngày tham gia thành lập chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng. Đối với trường hợp chỉ là quần chúng cảm tình đảng, được tổ chức đảng giao một số việc để thử thách (như giao liên hoặc theo dõi tình hình địch...), chưa được kết nạp vào Đảng, nhưng ngộ nhận mình đã vào Đảng, sau đó được tổ chức đảng cho sinh hoạt, được rèn luyện thử thách, xét có đủ tư cách đảng viên thì được công nhận là đảng viên từ ngày tham gia sinh hoạt đảng.

5.2.7. Những đảng viên có nghi vấn không được tổ chức đảng kết nạp vào Đảng thì phải xem xét kỹ, sau khi thẩm tra thấy có đủ căn cứ kết luận là đã được tổ chức kết nạp vào Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc đúng với quy

định tại những điểm nêu trên và từ đó đến nay vẫn tham gia sinh hoạt đảng, giữ gìn được tư cách đảng viên thì cấp uỷ có thẩm quyền công nhận là đảng viên. Nếu đủ căn cứ kết luận người đó mạo nhận là đảng viên thì cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên.

5.2.8. Những đảng viên không tham gia sinh hoạt đảng do gián đoạn sinh hoạt đảng, sau khi đã thẩm tra thấy có đủ căn cứ và chứng lý rõ ràng, nếu nội dung vi phạm là do chính bản thân gây ra thì không nối lại sinh hoạt đảng và thông báo xoá tên trong danh sách đảng viên; nếu nội dung vi phạm không phải do chính bản thân gây ra và được chi bộ, đảng uỷ trực thuộc cơ sở (hoặc ban thường vụ đảng uỷ cơ sở) nơi công tác hoặc nơi cư trú xác nhận vẫn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, giữ gìn phẩm chất đạo đức trong thời gian không tham gia sinh hoạt đảng thì được xét nối lại sinh hoạt đảng.

6. Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng (Điều 6)

6.1. Phát thẻ và quản lý, sử dụng thẻ đảng viên

6.1.1. Thẻ đảng viên được phát cho đảng viên chính thức, chi bộ tổ chức phát thẻ cho đảng viên trong kỳ sinh hoạt chi bộ gần nhất, sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

6.1.2. Đảng viên được nhận thẻ đảng viên phải thực hiện đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ, khi mất hoặc hỏng thẻ phải báo cáo ngay bằng văn bản với cấp uỷ, chi bộ quản lý trực tiếp, nêu rõ lý do mất hoặc hỏng thẻ để xem xét, đề nghị cấp lại hoặc đổi thẻ đảng viên.

6.1.3. Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở (nơi không có đảng uỷ trực thuộc cơ sở) hoặc đảng uỷ trực thuộc cơ sở xem xét, quyết định phát thẻ đảng viên và chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng thẻ đảng viên của đảng bộ, chi bộ, đảng viên.

6.1.4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát, quản lý, sử dụng thẻ đảng viên.

6.1.5. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định, phê duyệt, phát hành, quản lý thống nhất thẻ đảng viên trong toàn Đảng.

6.1.6. Sử dụng thẻ đảng viên: Đảng viên sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết trong sinh hoạt đảng, trong đại hội đảng các cấp (trừ các trường hợp biểu quyết bằng phiếu kín); thực hiện các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường số theo quy định.

6.2. Quản lý hồ sơ đảng viên, cơ sở dữ liệu đảng viên

6.2.1. Đảng uỷ cơ sở (nơi không có đảng uỷ trực thuộc cơ sở) hoặc đảng uỷ trực thuộc cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên (hồ sơ đảng viên điện tử, phiếu đảng viên điện tử), cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ, chi bộ. Đảng uỷ trực thuộc cơ sở nào không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp quản lý, bảo quản.

6.2.2. Đảng uỷ Bộ Ngoại giao quản lý hồ sơ đảng viên, thẻ đảng viên và danh sách đảng viên trong Đảng bộ theo quy định của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Đảng viên ra nước ngoài công tác, lao động, học tập từ 12 tháng trở lên, cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên hướng dẫn bổ sung lý lịch khi đảng viên về nước.

6.2.3. Việc cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên theo quy định, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.2.4. Các cấp uỷ chỉ đạo, kiểm tra việc bổ sung lý lịch đảng viên và quản lý hồ sơ đảng viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.2.5. Tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ hồ sơ đảng viên. Các tài liệu trong hồ sơ đảng viên không được tẩy xoá, tự ý sửa chữa; việc xác định mức độ mật của từng loại tài liệu trong hồ sơ đảng viên thực hiện theo quy định của Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

6.2.6. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý hồ sơ đảng viên, cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng.

6.3. Chuyển sinh hoạt đảng

6.3.1. Chuyển sinh hoạt đảng chính thức

a) Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang đơn vị mới, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, thôi việc, phục viên hoặc thay đổi nơi cư trú lâu dài thì trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày quyết định có hiệu lực hoặc thay đổi nơi cư trú phải hoàn thành thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

Đảng viên ở đảng bộ khác được cấp uỷ cấp trên điều động, chỉ định tham gia cấp uỷ và giữ chức vụ cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra thì chuyển sinh hoạt đảng từ ngày quyết định điều động, chỉ định có hiệu lực.

b) Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài đảng bộ trực thuộc cơ sở, đảng bộ cơ sở, đảng bộ cấp tỉnh thì đảng uỷ trực thuộc cơ sở, đảng uỷ cơ sở có đảng viên chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng.

c) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký giấy giới thiệu chuyển đi, đảng viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt đảng với chi uỷ nơi chuyển đến để được sinh hoạt đảng. Nếu quá thời hạn trên, đảng viên hoặc tổ chức đảng phải báo cáo lý do cụ thể để cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

d) Khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên, cấp uỷ nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với tổ chức đảng làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

đ) Trường hợp đảng viên đang bị thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo thì chưa chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

6.3.2. Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời

a) Khi đảng viên thay đổi nơi cư trú, nơi công tác trong thời gian từ 3 tháng đến dưới 1 năm; khi được cử đi học tập trung ở các cơ sở đào tạo trong nước từ 3 tháng đến 2 năm, sau đó lại trở về đơn vị cũ thì trong thời hạn 30 ngày làm việc phải hoàn thành thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời từ đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ, chi bộ nơi công tác, học tập hoặc nơi cư trú mới. Trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư quy định.

b) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ở nơi sinh hoạt chính thức thì thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Điều lệ Đảng; ở nơi sinh hoạt tạm thời thì trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử.

- Nếu cần kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời thì đảng viên phải báo cáo với cấp uỷ đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt tạm thời để xin gia hạn, đồng thời báo cáo với tổ chức đảng nơi sinh hoạt chính thức.

c) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời không tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt tạm thời mà tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt chính thức; đóng đảng phí ở chi bộ nơi sinh hoạt đảng tạm thời.

Cấp uỷ viên khi chuyển sinh hoạt tạm thời thì vẫn là cấp uỷ viên nơi sinh hoạt chính thức.

d) Nếu có từ 3 đảng viên chính thức trở lên chuyển đến sinh hoạt đảng tạm thời để học theo lớp, theo khoá ở cơ sở đào tạo hoặc đến công tác biệt phái trong một đơn vị trực thuộc đơn vị cơ sở, thì đảng uỷ nơi tiếp nhận đảng viên ban hành quyết định thành lập chi bộ sinh hoạt tạm thời và chỉ định chi uỷ, bí thư, phó bí thư của chi bộ đó.

Nhiệm vụ của chi bộ sinh hoạt tạm thời là lãnh đạo đảng viên trong chi bộ thực hiện nghị quyết của cấp uỷ cấp trên, quản lý đảng viên, thu nộp đảng phí và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do cấp uỷ cấp trên giao.

6.3.3. Chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước

Việc quản lý, chuyển sinh hoạt đảng, tổ chức sinh hoạt đảng cho đảng viên ở ngoài nước thực hiện theo quy định của Ban Bí thư và một số quy định sau đây:

a) Đảng viên dự bị sinh hoạt đơn lẻ ở ngoài nước, khi hết thời hạn dự bị phải làm bản tự kiểm điểm về tư cách đảng viên và việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời gian sinh hoạt đơn lẻ; cấp uỷ trực tiếp quản lý đảng viên ở ngoài nước căn cứ vào nhận xét, đánh giá của cấp uỷ nơi đi và kiểm điểm của đảng viên để xét công nhận đảng viên chính thức.

b) Đối với những địa bàn ở ngoài nước có hoàn cảnh đặc biệt, không đủ 3 đảng viên chính thức để lập chi bộ thì có thể được thành lập chi bộ sinh hoạt dự bị (gồm 3 đảng viên trở lên, kể cả đảng viên chính thức và dự bị), cấp uỷ cấp trên chỉ định bí thư chi bộ.

c) Chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ và nhiệm vụ của đảng viên ở ngoài nước thực hiện theo quy định của Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.3.4. Chuyển sinh hoạt đảng khi chuyển giao, thành lập mới, chia tách, sáp nhập chi bộ, đảng bộ

Khi cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao, thành lập mới, chia tách hay sáp nhập một chi bộ, đảng bộ từ đảng bộ này sang đảng bộ khác trong hoặc ngoài đảng bộ tỉnh, thành phố (và tương đương) thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ được chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên; cấp uỷ cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ được chuyển đến có trách nhiệm làm thủ tục tiếp nhận tổ chức và sinh hoạt đảng cho đảng viên. Trường hợp chuyển giao đảng bộ, chi bộ

từ đảng bộ tỉnh, thành phố sang đảng bộ trực thuộc Trung ương (trừ Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an Trung ương) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

6.3.5. Việc chuyển sinh hoạt đảng trên môi trường số thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.3.6. Chuyển sinh hoạt đảng khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, bị giải thể

Sau khi cấp uỷ có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán hoặc giải thể một chi bộ, đảng bộ thì trong thời hạn 30 ngày làm việc cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó thu hồi hồ sơ, con dấu và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

6.3.7. Trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng

a) Cấp uỷ đảng các cấp có trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên; các cơ quan sau đây được cấp uỷ uỷ nhiệm chuyển sinh hoạt đảng:

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương uỷ nhiệm cho ban tổ chức của cấp mình; các cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng thuộc Quân uỷ Trung ương được uỷ nhiệm cho cơ quan chính trị cùng cấp; Đảng uỷ Công an Trung ương được uỷ nhiệm cho Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an trong việc giới thiệu sinh hoạt đảng.

b) Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc giới thiệu sinh hoạt đảng trong toàn Đảng; giới thiệu đảng viên và tổ chức đảng sinh hoạt đảng trong những trường hợp đặc biệt.

7. Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng (Điều 7)

7.1. Đảng viên tuổi cao, sức khoẻ yếu không thể tham gia sinh hoạt đảng được, tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng, chi bộ xem xét, quyết định; chi uỷ hoặc bí thư chi bộ báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp biết về quyết định của chi bộ. Trường hợp đảng viên sức khoẻ quá yếu không thể tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ thì chi bộ báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp trước khi xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

7.2. Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng có quyền hạn và trách nhiệm sau:

7.2.1. Được dự đại hội đảng viên; được cung cấp thông tin theo quy định tại Mục 2.1 (Quyền được thông tin của đảng viên) nếu đảng viên đó yêu cầu.

7.2.2. Được xét tặng Huy hiệu Đảng khi có đủ tiêu chuẩn.

7.2.3. Được miễn đánh giá chất lượng đảng viên trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt đảng.

7.2.4. Bản thân phải gương mẫu và vận động gia đình chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, nếu vi phạm kỷ luật đảng thì xử lý kỷ luật như đối với đảng viên đang sinh hoạt theo quy định của Điều lệ Đảng.

8. Xoá tên đảng viên và giải quyết khiếu nại về xoá tên đảng viên (Điều 8)

8.1. Xoá tên đảng viên

Chi bộ xem xét, đề nghị cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên đối với các trường hợp sau: Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự huỷ thẻ đảng viên; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau thời gian 12 tháng phấn đấu không tiến bộ; đảng viên hai năm liền vi phạm tư cách đảng viên; đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị.

8.2. Giải quyết khiếu nại về xoá tên đảng viên

8.2.1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xoá tên, đảng viên có quyền khiếu nại với cấp uỷ cấp trên cho đến Ban Bí thư.

8.2.2. Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức của cấp uỷ có trách nhiệm tham mưu giúp cấp uỷ giải quyết khiếu nại. Thời hạn hoàn thành giải quyết khiếu nại được quy định như sau: Không quá 60 ngày làm việc đối với cấp uỷ cấp tỉnh (và tương đương), đảng uỷ cơ sở; không quá 90 ngày làm việc đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

8.2.3. Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày đảng viên nhận được quyết định xoá tên; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; cá nhân hoặc tập thể khiếu nại hộ; khiếu nại khi chưa có quyết định xoá tên của cấp uỷ đảng có thẩm quyền.

8.2.4. Việc giải quyết khiếu nại về xoá tên đối với đảng viên thực hiện quy định của Ban Bí thư.

Chương IV
TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Một số quy định cụ thể về đảng uỷ quân khu, đảng uỷ quân sự địa phương (Điều 27)

1.1. Đảng uỷ quân khu (Khoản 1, Khoản 2)

1.1.1. Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu, các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trên địa bàn quân khu được Bộ Chính trị chỉ định tham gia. Trường hợp thật cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể chỉ định một số đồng chí khác có cơ cấu thích hợp tham gia đảng uỷ quân khu.

1.1.2. Việc chỉ định tham gia đảng uỷ quân khu được thể hiện trong quyết định chuẩn y kết quả bầu cử; quyết định điều động, phân công công tác hoặc có quyết định chỉ định riêng.

1.1.3. Đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ và các đồng chí khác được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định tham gia đảng uỷ quân khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên quân khu (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ quân khu; tham gia đảng uỷ quân khu từ khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ quân khu khi thôi giữ chức vụ tương ứng.

1.1.4. Đảng uỷ quân khu có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền; chỉ đạo, hướng dẫn cấp uỷ địa phương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

1.1.5. Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng uỷ quân khu về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong địa phương mình.

1.2. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương (Khoản 3).

1.2.1. Cơ quan chính trị cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

1.2.2. Cơ quan chính trị quân khu phối hợp với tỉnh uỷ, thành uỷ; cơ quan chính trị thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố phối hợp với cấp uỷ xã, phường, đặc khu để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương.

1.3. Chỉ định đồng chí bí thư cấp uỷ và một số đồng chí ngoài đảng bộ (chi bộ) quân sự địa phương tham gia đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố, đảng uỷ, chi uỷ (chi bộ) quân sự xã, phường, đặc khu (Khoản 4).

1.3.1. Sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ cấp tỉnh, đảng bộ xã, phường, đặc khu, khi cấp uỷ địa phương khoá mới đã kiện toàn và được cấp uỷ cấp trên chuẩn y, các đồng chí cấp uỷ viên là bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân, được ban thường vụ cấp uỷ chỉ định tham gia đảng uỷ, chi uỷ (chi bộ) quân sự cùng cấp. Đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương trực tiếp làm bí thư đảng uỷ (chi bộ) quân sự cùng cấp.

Các đồng chí được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định tham gia đảng uỷ, chi uỷ (chi bộ) quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ, chi bộ quân sự; tham gia đảng uỷ, chi uỷ (chi bộ) quân sự từ khi được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ, chi uỷ (chi bộ) quân sự khi thôi giữ chức vụ bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân.

1.3.2. Tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

a) Ở các tỉnh, thành phố có bộ đội biên phòng thì tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố (nơi có biên giới), đồng thời chấp hành nghị quyết của Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng về công tác biên phòng và xây dựng lực lượng bộ đội biên phòng.

b) Cơ quan chính trị bộ đội biên phòng cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng bộ đội biên phòng cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng thuộc cấp uỷ địa phương cùng cấp.

2. Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ; cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân (Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Điều 28)

2.1. Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ (Khoản 1)

2.1.1. Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở tỉnh, thành phố.

2.1.2. Bộ Chính trị uỷ nhiệm cho Đảng uỷ Công an Trung ương khi cần thiết mời các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ để truyền đạt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

2.2. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân (Khoản 3, Khoản 4)

2.2.1. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng thuộc Bộ Công an hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương, tham mưu thực hiện công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương; tham mưu, giúp Đảng uỷ Công an Trung ương phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

2.2.2. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân mỗi cấp hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng của cấp trên, sự hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp uỷ địa phương cùng cấp; tham mưu thực hiện công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong công an cấp mình; tham mưu, giúp cấp uỷ công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp uỷ địa phương cấp dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

3. Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp; việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp (Điều 29)

3.1. Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ, chi bộ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp (Khoản 1)

Cấp uỷ, chi bộ đảng công an địa phương cấp nào có nhiệm vụ tham mưu, giúp cấp uỷ địa phương cấp đó lãnh đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên và nhiệm vụ của cấp uỷ cùng cấp giao về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương.

3.2. Việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ, chi bộ công an cùng cấp (Khoản 2)

3.2.1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ; đảng uỷ xã, phường, đặc khu phân công đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách đảng uỷ, chi bộ công an cùng cấp.

3.2.2. Đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân được phân công phụ trách đảng uỷ, chi bộ công an địa phương cùng cấp thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt của cấp uỷ, chi bộ công an; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ địa phương về hoạt động của cấp uỷ, chi bộ công an; tham gia cùng cấp uỷ địa phương lãnh đạo kiện toàn đảng uỷ công an; trực tiếp tham dự các hội nghị quan trọng của cấp uỷ, chi bộ công an để truyền đạt ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ địa phương đối với cấp uỷ, chi bộ công an về những vấn đề có liên quan đến giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương.

3.2.3. Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, cấp uỷ, chi bộ công an báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách về những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương trước khi báo cáo, xin ý kiến cấp uỷ địa phương.

Chương V
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

1. Tổ chức cơ quan uỷ ban kiểm tra (Điều 31)

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn về tổ chức bộ máy của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

2. Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên (Điều 34)

2.1. Hình thức khen thưởng trong Đảng

2.1.1. Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

2.1.2. Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 30 năm, 35 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm, 95 năm tuổi Đảng; tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

2.2. Thẩm quyền khen thưởng

2.2.1. Chi bộ: Biểu dương tổ đảng và đảng viên trong chi bộ.

2.2.2. Đảng uỷ bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

2.2.3. Đảng uỷ trực thuộc cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

2.2.4. Đảng uỷ cơ sở: Tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

2.2.5. Cấp uỷ cấp tỉnh (và tương đương): Tặng bằng khen, tặng cờ cho tổ chức đảng, tặng Huy hiệu Đảng 30 năm, 35 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm tuổi Đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

2.2.6. Ban Bí thư: Tặng Huy hiệu Đảng 80 năm, 85 năm, 90 năm, 95 năm tuổi Đảng.

2.2.7. Việc tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và đảng viên thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2.3. Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng

2.3.1. Tiêu chuẩn, đối tượng tặng Huy hiệu Đảng:

a) Những đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, giữ gìn tư cách đảng viên, có đủ 30 năm, 35 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm, 95 năm tuổi Đảng trở lên (tính theo tháng) thì được tặng Huy hiệu Đảng.

b) Đảng viên bị bệnh nặng hoặc từ trần có thể được xét tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng không được quá một năm; đảng viên 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm, 95 năm tuổi Đảng trở lên nếu bị bệnh nặng có thể được xét tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng không được quá hai năm theo quy định.

c) Tại thời điểm xét tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên bị kỷ luật về Đảng thì chưa được xét tặng; sau 6 tháng (đối với kỷ luật khiển trách), 9 tháng (đối với kỷ luật cảnh cáo), 1 năm (đối với kỷ luật cách chức) kể từ ngày đảng viên đủ thời gian xét tặng Huy hiệu Đảng, nếu sửa chữa tốt khuyết điểm, được chi bộ công nhận sẽ được xét tặng Huy hiệu Đảng.

2.3.2. Việc tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ đối với tổ chức đảng; tặng giấy khen, bằng khen đối với đảng viên và thủ tục xét tặng Huy hiệu Đảng, các hình thức khen thưởng khác trong Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

2.4. Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng

2.4.1. Tặng phẩm, tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

2.4.2. Tặng phẩm, tiền thưởng kèm theo đối với đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và các hình thức khen thưởng khác trong Đảng được quy định thống nhất, nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng chung của các địa phương, ngành hoặc một phần từ tài chính đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.

Chương VI
ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Một số quy định cụ thể về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội (Điều 41)

1.1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ (Khoản 2)

1.1.1. Nguyên tắc quản lý cán bộ

a) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

b) Tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Khi ý kiến người đứng đầu khác ý kiến của tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, quyết định về cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

đ) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng; cấp uỷ cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp uỷ cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

e) Mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp quản lý cán bộ (kể cả các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng) đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

1.1.2. Quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ.

b) Đánh giá cán bộ.

c) Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

d) Bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm cán bộ.

đ) Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

e) Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

g) Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ.

1.2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội (Khoản 3)

1.2.1. Tiêu chuẩn chung của cán bộ

a) Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tuỵ phục vụ Nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

c) Bảo đảm về chính trị, tư tưởng; có trình độ hiểu biết về chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn

hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

1.2.2. Phân cấp việc giới thiệu cán bộ để bầu hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội

a) Ở Trung ương

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng giới thiệu 3 chức danh: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để Quốc hội bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Uỷ viên Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội - Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm các Uỷ ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước và các thành viên Chính phủ.

- Bộ Chính trị giới thiệu các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý để Chính phủ trình Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

- Ban Bí thư giới thiệu các chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý để Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; Uỷ ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

b) Ở địa phương

- Ban chấp hành đảng bộ các cấp giới thiệu chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân để hội đồng nhân dân bầu (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định); tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp uỷ quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân bầu (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định).

- Ban thường vụ cấp uỷ các cấp giới thiệu các chức danh thuộc diện ban thường vụ quản lý để uỷ ban nhân dân các cấp xem xét, bổ nhiệm; hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

2. Cấp uỷ, tổ chức đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp (Điều 44)

Cấp uỷ, tổ chức đảng cùng cấp phân công cấp uỷ viên, chi uỷ viên theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chức đoàn. Định kỳ hằng năm, tập thể cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ hoặc chi bộ nghe báo cáo để lãnh đạo, chỉ đạo về hoạt động của tổ chức đoàn cùng cấp.

Chương VII
TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng (Điều 46)

1. Đảng phí: Đảng viên đóng đảng phí trên cơ sở tiền lương, tiền công, khoản thu nhập coi như tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp theo tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí... theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

2.1. Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp, phụ cấp công tác đảng đối với chi uỷ chi bộ trong doanh nghiệp ngoài nhà nước, chi bộ đặc thù khác sử dụng đảng phí, tài chính của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tài chính.

2.2. Cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên và các tổ chức đảng cấp dưới về hoạt động và quản lý tài chính, tài sản ở cấp mình.

2.3. Cấp uỷ các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (phòng, bộ phận...) hoặc cử cán bộ giúp cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng; định kỳ báo cáo với cấp uỷ cấp mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

2.4. Tài chính, tài sản của Đảng được công khai trong nội bộ từng cấp uỷ, tổ chức đảng và trong từng cơ quan đảng theo năm ngân sách nhà nước. Hằng năm, cơ quan tài chính đảng các cấp có trách nhiệm báo cáo quyết toán ngân sách năm trước và dự toán năm sau với cấp uỷ cấp mình.

2.5. Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được quy định một số vấn đề khác theo thẩm quyền.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc rà soát, khẩn trương sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định, hướng dẫn của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức đảng và các vấn đề liên quan khác (nếu có) theo đúng Quy định này, hoàn thành trong năm 2026.

3. Trong thời gian chưa ban hành văn bản điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức đảng... phù hợp với Quy định này thì các quy định hiện hành tiếp tục được thực hiện cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, cán bộ, đảng viên tổ chức quán triệt, thực hiện Quy định thi hành Điều lệ Đảng đồng bộ với việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc nghiên cứu để hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng, những vấn đề thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hoá những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

5. Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành. Các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

Tô Lâm

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.